

Mildred B. Janson Elementary School

2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (Xuất bản trong năm học 2023-2024)



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet	Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.
-------------------	---

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024

Tên Trường	Mildred B. Janson Elementary School
Đường	8628 Marshall Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Rosemead, CA 91770
Số điện thoại	(626) 288-3150
Hiệu trưởng	
Địa chỉ Email	
Trang web của Trường	www.rosemead.k12.ca.us/janson
Mã Học khu của Quận (CDS)	19-64931-6022180

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24

Tên Học khu	Rosemead School District
Số điện thoại	(626) 312-2900
Giám đốc	Mr. Alejandro Ruvalcaba
Địa chỉ Email	aruvalcaba@rosemead.k12.ca.us
Trang web Học khu	www.rosemead.k12.ca.us

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Thông điệp từ hiệu trưởng Mildred B. Janson Elementary School là một điểm trường từ TK cho đến lớp 6, là một trong năm trường của Học khu Rosemead, cách trung tâm thành phố Los Angeles 12 dặm về phía đông. Janson là Trường Mildred B. Janson được thành lập vào năm 1945 và gần đây có tên là Trường xuất sắc năm 2020 của California cho thành tích học tập mẫu mực (chỉ 6% trường tiểu học ở California). Khuôn viên của trường Janson đã được hiện đại hóa để đáp ứng phong cách học tập của thế kỷ 21, bao gồm cả những cải tiến về thể chất và công nghệ. Trường bao gồm các học sinh và nhân viên đa văn hóa và đa sắc tộc. Trong số 656 sinh viên theo học, 66,1% là người gốc Châu Á, 28,2% là người gốc Tây Ban Nha, 0,3% là người Da trắng và 0,3% là người Da đen. Các học sinh tham gia vào nhiều chương trình hỗ trợ học tập. 37% học sinh đang theo học chương trình Phát triển Anh ngữ. Ngoài ra, có 65 học sinh trong chương trình mầm non của trường chúng tôi. Janson điều hành Chương trình toàn trường tiêu đề 1. 69% học sinh được ăn trưa miễn phí hoặc giảm giá. Mọi người làm việc cùng nhau để đảm bảo chất lượng giáo dục và thành công cho tất cả học sinh. Chúng tôi liên tục cố gắng cải thiện chương trình của mình và mang đến cho học sinh nhiều cơ hội học tập và xã hội. Trường Janson là một ngôi trường “The Leader In Me, Lighthouse” chính thức, trường đầu tiên được đặt tên là trường Lighthouse ở California. Janson đã được công nhận là trường Di sản, là trường thứ 2 trên thế giới đạt được sự công nhận này. Mỗi học sinh và nhân viên đều hiểu 8

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Thói quen, và đó là ngôn ngữ chung ở đây trong khuôn viên trường của chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều tin rằng mỗi học sinh là một “Nhà lãnh đạo”, và công việc của chúng tôi với tư cách là các nhà giáo dục là tìm ra nhà lãnh đạo trong các em và tôn vinh điều đó. Đội ngũ nhân viên chăm chỉ được đào tạo bài bản theo mô hình Lãnh đạo và 8 Thói quen. Điều này được dành riêng để tạo ra sự khác biệt tích cực cho tất cả học sinh của chúng tôi.

Làm việc để cung cấp những hỗ trợ về mặt cảm xúc xã hội cho tất cả học sinh là một thách thức và điều quan trọng hơn nữa là cộng đồng của chúng ta hiểu được các chương trình giảng dạy và cảm xúc xã hội để hỗ trợ học sinh của chúng ta. Trường Mildred B. Janson luôn sẵn lòng lắng nghe những ý kiến đóng góp để củng cố chương trình dạy và học tập của chúng tôi. Chúng tôi yêu cầu bạn truy cập trang web của chúng tôi tại www.rosemead.k12.ca.us/janson và kiểm tra các tài khoản mạng xã hội của chúng tôi.

Thông điệp từ Giám đốc:

Kính gửi các Thành viên của Cộng đồng Học khu Rosemead,

Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Trường học là một nguồn thông tin toàn diện bao gồm thông tin chi tiết về các trường học, chương trình học tập, thành tích, tài liệu giảng dạy, cơ sở vật chất và các chuyên gia tận tâm bao gồm đội ngũ nhân viên đáng kính của chúng tôi. Cốt lõi sứ mệnh của chúng tôi là cam kết vững chắc trong việc cung cấp một chương trình giáo dục có chất lượng tuyệt vời cho học sinh của chúng tôi.

Cam kết của chúng tôi là cung cấp một bầu không khí kích thích, nơi học sinh không chỉ được khuyến khích mà còn được thử thách để đạt được tiềm năng tối đa của mình. Chúng tôi kiên quyết cam kết thúc đẩy một môi trường học tập năng động trong Trường Rosemead, trong đó học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và phát triển các giá trị tích cực. Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Trường học, bao gồm thông tin toàn diện về khu học chánh của chúng tôi, tiếp tục đóng vai trò là minh chứng cho sự minh bạch và cam kết hướng tới sự xuất sắc của chúng tôi. Để biết thêm thông tin về khu học chánh của chúng tôi, tôi mời bạn khám phá trang web của chúng tôi tại <http://www.rosemead.k12.ca.us>.

Khu học chánh của chúng tôi khuyến khích sự tham gia tích cực của phụ huynh và cộng đồng thông qua nhiều con đường khác nhau, bao gồm việc tham gia vào các ủy ban quản trị và các cơ hội tình nguyện trong các trường học và lớp học của chúng tôi. Thông tin chi tiết về việc tham gia và đóng góp cho cộng đồng giáo dục của chúng tôi có thể được lấy bằng cách đến thăm các trường học hoặc văn phòng khu học chánh của chúng tôi. Sự tham gia và hỗ trợ của bạn là công cụ giúp hiện thực hóa tầm nhìn chung của chúng tôi về một trải nghiệm giáo dục phong phú.

Trân trọng,

Alejandro Ruvalcaba, Ph.D.
Giám đốc trường học

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023	
Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	108
Lớp 1	81
Lớp 2	77
Lớp 3	83
Lớp 4	76
Lớp 5	88
Lớp 6	83
Tổng Ghi danh	596

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	48.7%
Nam	51.3%
Người gốc Châu Á	66.1%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.2%
Người Phi Luật Tân	1.8%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	29.2%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	0.7%
Người Da trắng	0.8%
Sinh viên nói tiếng anh	38.9%
Những đứa con nuôi	0.2%
Vô gia cư	0.5%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	66.3%
Học sinh khuyết tật	7.7%

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	24.80	96.14	102.70	93.48	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	0.90	0.90	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	1.40	1.33	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.00	0.00	12115.80	4.41
Không xác định	0.90	3.82	4.60	4.27	18854.30	6.86

Tổng số vị trí giảng dạy	25.80	100.00	109.80	100.00	274759.10	100.00
---------------------------------	-------	--------	--------	--------	-----------	--------

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022						
Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	24.90	100.00	112.00	97.46	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	0.00	0.00	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	0.50	0.43	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	0.40	0.37	11953.10	4.28
Không xác định	0.00	0.00	1.90	1.73	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	24.90	100.00	114.90	100.00	279044.80	100.00

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)		
Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	0.00	0.00
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0.00	0.00

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo SARC)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	0.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.00	0.00

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Phân công lớp học

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0	0
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Học Khu Rosemead ưu tiên cung cấp sách giáo khoa và tài liệu chất lượng cao để hỗ trợ các chương trình giảng dạy. Học khu Rosemead đã tổ chức một buổi điều trần công khai và xác định rằng sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy và thiết bị phòng thí nghiệm khoa học đều đầy đủ và có chất lượng tốt tại mỗi trường trong học khu, theo thỏa thuận giữa Williams và Tiểu bang California. Tất cả học sinh, bao gồm cả học sinh học Anh ngữ, đều được cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn của riêng mình ở các môn học chính để sử dụng tại lớp học và ở nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đều tuân theo Khung chương trình và tiêu chuẩn về nội dung của Tiểu bang và đã được Hội đồng ủy thác phê duyệt. Học khu Rosemead tuân theo Chu trình thông qua tài liệu giảng dạy của Tiểu bang để xem xét các tài liệu giảng dạy trong mỗi lĩnh vực chương trình giảng dạy trong chu kỳ sáu năm. Bảng dưới đây minh họa các sách giáo khoa hiện đang được sử dụng tại trường học của chúng tôi. Tất cả các sách giáo khoa đều được cung cấp đầy đủ và tình trạng tốt đến xuất sắc. 100% học sinh trong mỗi môn học chính đều được trang bị sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cần thiết. Các tài liệu bổ sung khác được sử dụng để hỗ trợ học sinh là i-Ready, Simple Solutions, RAZ-KIDS, Imagine Learning và Mystery Science.

Thư viện của trường có rất nhiều sách để học sinh có thể đọc, bao gồm sách và tài liệu bằng tiếng Tây Ban Nha. Học sinh đến thăm thư viện hàng tuần cùng với lớp học của mình. Trường cũng có một thư viện sách được nâng cấp toàn diện, để đọc có hướng dẫn và Phát triển Anh ngữ. Máy tính tại trường được kết nối internet thông qua đường truyền tốc độ cao để học sinh có thể truy cập các tài nguyên và thông tin trực tuyến, đồng thời phát triển các kỹ năng nghiên cứu của mình. Trường đang nỗ lực để tích hợp các kỹ năng và khái niệm về máy tính trong toàn bộ chương trình giảng dạy. Các học sinh từ lớp mẫu giáo đến lớp 6 được hướng dẫn với sự hỗ trợ của máy tính hàng tuần trong phòng máy tính hiện đại của chúng tôi. Mỗi lớp học được trang bị Chromebook 1-1. Mỗi lớp học cũng có iPad và máy tính để bàn iMac. Các chương trình phần mềm, bao gồm Accelerated Reader, Imagine Learning Language and Literacy và i-Ready, giúp học sinh phát triển các kỹ năng đọc, viết, toán và đánh máy.

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	McGraw Hill Education, California Wonders 2017 (Lớp K-6) Wonders ELD (Lớp K-6) Thông qua năm 2017	Có	0%
Toán	Houghton Mifflin Harcourt: Go Math K-5 and Go Math 6-8 Thông qua năm 2015 i-Ready Common Core Math (bổ sung)	Có	0%
Khoa học	TCI Bring Science Alive! (Lớp K-6) Thông qua năm 2021	Có	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	TCI History Alive! (Lớp K-8) Thông qua năm 2023	Có	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Không có thông tin	Không có thông tin	

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Xây dựng năm 1948, với các lần xây dựng thêm vào năm 1954 và 1997, các cơ sở của Trường Janson bao gồm 58.964 feet vuông. Bao gồm các lớp học cố định và linh động, phòng đa năng, phòng quản lý và phòng vệ sinh. Gần đây, trường đã nâng cấp hệ thống điện thoại/liên lạc nội bộ để lắp đặt điện thoại và hộp thư thoại trong tất cả các lớp học. Một dự án hiện đại hóa tất cả các lớp mẫu giáo, phòng vệ sinh cho học sinh và máy nước đã được hoàn tất tháng 9 năm 2006. Một dự án hiện đại hóa tòa nhà quản lý và giai đoạn thứ hai trong ba giai đoạn nâng cấp hệ thống điện chính đã được hoàn tất tháng 9 năm 2007. Một dự án xây dựng thương hiệu để cải thiện bên ngoài và hành lang của trường đã được hoàn thành vào mùa hè năm 2010. Cửa của tất cả các lớp học đều được sơn và đánh số bằng sơn hiện đại để mang lại vẻ hiện đại hơn cho tất cả cửa phòng học. Các biểu ngữ, biển báo đường phố và biển chỉ dẫn hành lang đã được lắp đặt khắp các hành lang cùng với logo mới của trường. Trong năm 2019, Janson đã thay thế các thiết bị của hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC) bằng các mẫu tiết kiệm năng lượng trong dự án Proposition 39 Clean Energy Jobs Act. Dự án thay thế và sửa chữa mái cho 12 phòng học linh động được thực hiện trong năm học 2019 – 20. Vào tháng 11 năm 2021, điểm trường đã được nâng cấp hệ thống báo cháy.

Bảo trì và sửa chữa

Vấn đề về an toàn là ưu tiên số một trong Hoạt động bảo trì và vận hành. Giám sát viên bảo trì của học khu chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra liên tục tại các trường. Cần thực hiện sửa chữa để giữ cho trường luôn ở điều kiện tốt và yêu cầu công việc được hoàn tất kịp thời. Quy trình yêu cầu công việc thực hiện trên máy tính được sử dụng để đảm bảo dịch vụ hiệu quả và các sửa chữa khẩn cấp sẽ được ưu tiên cao nhất. Nhân viên bảo trì học khu đã cho biết rằng 100% các nhà vệ sinh của trường đều nằm trong yêu cầu công việc.

Lịch biểu và quy trình vệ sinh

Ban giám sát học khu đã thông qua các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường tại học khu. Có thể tìm hiểu thông tin tóm lược các tiêu chuẩn này tại văn phòng trường hoặc tại văn phòng học khu. Nhóm quản lý điểm trường làm việc hàng ngày với nhân viên giám sát để phát triển lịch vệ sinh nhằm đảm bảo trường học sạch sẽ và an toàn. Để đáp ứng với đại dịch COVID-19, các phương pháp vệ sinh đã được cập nhật để vệ sinh thường xuyên hơn các khu vực công cộng (ví dụ: phòng vệ sinh) và phun chất khử khuẩn cho tất cả các khu vực.

Dự án bảo trì trì hoãn

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Kinh phí cho hoạt động bảo trì trì hoãn được sử dụng kết hợp với kinh phí khác dành cho nhà trường để hoàn tất việc sửa chữa và thay thế nếu thích hợp. Hoạt động bảo trì trì hoãn của học khu cần được xem xét và cập nhật hàng năm.

Bảng sau trình bày về hoạt động kiểm tra gần đây nhất tại các cơ sở.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:				Tháng 12 năm 2023
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			Xếp hạng hệ thống đạt 99% - Điều hòa trong phòng máy chủ đang gặp sự cố
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			Xếp hạng nội thất đạt 87% - Gạch trần bị ố; Trần nhà bong tróc ở phòng nữ; Phòng điện - trần nhà có lỗ thủng. Rèm cửa trong tình trạng xấu.
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			Xếp hạng vệ sinh đạt 98%.
Điện	X			Xếp hạng điện đạt 97%. Một máy sấy tay không hoạt động. Tủ điện bị che khuất.
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			Xếp hạng Nhà vệ sinh/đài phun nước đạt 93%. Cần lưu ý
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			Xếp hạng an toàn đạt 100%
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			Xếp hạng cấu trúc đạt 99% - bị dột nước khi mưa
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			Xếp hạng ngoại thất đạt 97% - Cửa sổ bị thủng; Có vết nứt trên nhựa đường; bê tông trên sân khấu bị lún; cửa sổ bị khắc; mùn gỗ thấp.

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể			
Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

- 1. Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
- 2. Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
- 3. Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	68	66	58	57	47	46
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	58	60	49	50	33	34

2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	329	319	96.96	3.04	65.52
Nữ	159	152	95.60	4.40	75.00
Nam	170	167	98.24	1.76	56.89
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	217	211	97.24	2.76	73.93
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0	0	0
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	99	95	95.96	4.04	46.32
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	0	0	0	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	91	85	93.41	6.59	42.35
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	161	160	99.38	0.62	56.88
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	33	32	96.97	3.03	18.75

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	329	325	98.78	1.22	59.69
Nữ	159	156	98.11	1.89	60.26
Nam	170	169	99.41	0.59	59.17
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	217	216	99.54	0.46	70.37
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0	0	0
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	99	96	96.97	3.03	34.38
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	0	0	0	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	91	91	100.00	0.00	39.56
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	161	160	99.38	0.62	48.13
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	33	32	96.97	3.03	12.50

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	44.87	56.32	42.89	40.11	29.47	30.29

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	88	87	98.86	1.14	56.32
Nữ	42	42	100.00	0.00	52.38
Nam	46	45	97.83	2.17	60.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	46	45	97.83	2.17	71.11
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0	0	0
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	36	36	100.00	0.00	38.89
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	0	0	0	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	16	16	100.00	0.00	12.50
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	0	0	0	0	0
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	42	42	100.00	0.00	52.38
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	11	11	100.00	0.00	0.00

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiểu biết	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	98.8%	100%	98.8%	100%	100%

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

Phụ huynh và cộng đồng rất ủng hộ chương trình giáo dục tại Trường Janson. PTA đã đóng góp thời gian và tiền bạc hào phóng cho nhiều chương trình và hoạt động. Các chương trình của Trường Janson đã trở nên phong phú hơn rất nhiều nhờ sự đóng góp từ các tổ chức sau: Wells Fargo Bank, East/West Bank, Target, In-N-Out, TGIF, Hilton DoubleTree Hotel và Panda Corporation.

Các phụ huynh được khuyến khích tham gia vào việc giáo dục con cái của họ. Phụ huynh có thể tham dự các sự kiện toàn trường được tổ chức trong suốt năm học, chẳng hạn như Winter Performance, Open House, Founders' Day, lễ chuyển cấp, hội nghị phụ huynh và các lớp học nuôi dạy con khác nhau do nhân viên Janson tổ chức. Phụ huynh luôn theo sát các hoạt động của trường thông qua các nền tảng giao tiếp khác nhau. Janson gửi bản tin hàng tháng, gói thông tin hàng tuần, cuộc gọi Connect-Ed, nhắn tin ClassDojo, trang web của trường, Back-to-School Night và Open House. Phụ huynh được khuyến khích tham dự các cuộc trò chuyện cá nhân hai tháng một lần của Hiệu trưởng, bao gồm các sự kiện hiện tại, ngân sách, chương trình và hỗ trợ học tập cho tất cả học sinh. Các liên lạc viên giữa nhà trường và cộng đồng học khu đảm bảo rằng thông tin được cung cấp cho phụ huynh bằng tiếng mẹ đẻ của họ là tiếng Quảng Đông, tiếng Quan Thoại, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt. SSC và ELAC cũng là thời điểm để phụ huynh đưa ra ý kiến và phản hồi về ngân sách và chương trình cho tất cả học sinh.

Chương trình The Leader in Me cũng đã cung cấp một chương trình giảng dạy để tổ chức Leader In Me Parent Night cho tất cả phụ huynh của Janson. Trong sự kiện này, phụ huynh được truyền thụ về 8 Thói quen và hiểu rõ hơn về văn hóa và tầm nhìn của trường chúng tôi. Trường Janson sử dụng các nền tảng họp ảo, chẳng hạn như Zoom để hỗ trợ các cuộc họp và sự kiện với phụ huynh.

Vui lòng liên hệ với Hiệu trưởng theo số (626) 288-3150 để biết thông tin và mọi thắc mắc.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học							9.4	7.8	8.2
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp							83.6	87	86.2

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	0.0	0.0	0.0
Nữ	0.0	0.0	0.0
Nam	0.0	0.0	0.0
Phi nhị giới			
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.0	0.0	0.0
Người gốc Châu Á	0.0	0.0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.0	0.0	0.0
Người Phi Luật Tân	0.0	0.0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.0	0.0	0.0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0.0	0.0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	0.0	0.0	0.0
Người Da trắng	0.0	0.0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0.0	0.0	0.0
Những đứa con nuôi	0.0	0.0	0.0
Vô gia cư	0.0	0.0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.0	0.0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0.0	0.0	0.0
Học sinh khuyết tật	0.0	0.0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	614	606	22	3.6
Nữ	300	294	8	2.7

Nam	314	312	14	4.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	402	400	7	1.8
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	1	1	1	100.0
Người Phi Luật Tân	11	11	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	183	178	13	7.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	4	4	1	25.0
Người Da trắng	6	5	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	248	244	6	2.5
Những đứa con nuôi	1	1	0	0.0
Vô gia cư	3	3	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	414	406	17	4.2
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	57	56	3	5.4

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	0.00	0.18	0.00	0.04	1.08	1.76	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.07	0.08

Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	0	0
Nữ	0	0
Nam	0	0

Phi nhĩ giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0
Người gốc Châu Á	0	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0
Người Phi Luật Tân	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0	0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	0	0
Người Da trắng	0	0
Sinh viên nói tiếng anh	0	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	0	0

Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

Trường Janson là một khu học xá khép kín. Trong giờ học, tất cả các cổng đều được bảo vệ an toàn, và tất cả khách đều phải đăng ký tại phòng lễ tân. Tất cả khách phải đăng ký và đeo phù hiệu dành cho khách trong thời gian lưu lại trường. Mặc dù chúng tôi hoan nghênh các phụ huynh và các thành viên trong cộng đồng, nhưng bất kỳ ai muốn thăm khu học xá trong giờ học đều phải thông báo trước cho nhân viên. Trong giờ ăn trưa, giờ nghỉ và trước và sau giờ học, các giám thị và giáo viên trực sân chơi sẽ giám sát học sinh và khuôn viên nhà trường, bao gồm cả nhà ăn và sân chơi, để đảm bảo một môi trường an toàn và trật tự.

Học khu đã phát triển Kế hoạch an toàn trường học toàn diện để tuân thủ Dự luật 187 năm 1997 của Thượng viện. Kế hoạch này cung cấp cho học sinh và nhân viên một phương thức để đảm bảo một môi trường học tập an toàn và có trật tự. Kế hoạch an toàn trường học bao gồm các yêu cầu sau của SB 187:

- Thực trạng tội phạm học đường
- Quy trình báo cáo lạm dụng trẻ em
- Quy trình thảm họa, quy trình thường quy và tình trạng khẩn cấp
- Các chính sách liên quan đến đình chỉ và đuổi học
- Thông báo cho giáo viên
- Chính sách về quấy rối tình dục
- Quy định về trang phục trong toàn trường
- Học sinh, phụ huynh và nhân viên trường ra vào an toàn
- Môi trường học an toàn và trật tự
- Nội quy và thủ tục của trường

Nhà trường sẽ đánh giá kế hoạch hàng năm và cập nhật khi cần thiết. Kế hoạch được cập nhật và xem xét lần cuối với nhân viên nhà trường vào tháng 10 năm 2023. Các quy trình an toàn, bao gồm Kế hoạch an toàn trường học, được xem xét với nhân viên của trường và học khu trong suốt năm học trong các cơ hội huấn luyện về an toàn và diễn tập khẩn cấp khác nhau. Phương án an toàn đã được thông qua tại cuộc họp SSC ngày 27/09/2023.

D. Thông Tin Khác của SARC	Thông tin cần có trong SARC Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.
-----------------------------------	---

2020-21 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh				
Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.				
Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	22		4	
1	21		4	
2	33		3	
3	21		4	
4	27		3	
5	28		3	
6	26		3	
Khác	9	1		

2021-22 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh				
Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.				
Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	20		4	
1	23		3	
2	22		4	
3	23		3	
4	24		3	
5	25		3	
6	25		3	
Khác	8	1		

2022-23 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	21		5	
1	20		4	
2	26		3	
3	21		4	
4	25		3	
5	28		3	
6	27		3	
Khác	8	1		

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	0

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	1
Nhân viên Xã hội	
Y Tá	.2
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	1
Khác	2

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$9,396	\$2,484	\$6,912	\$97,984
Học khu	Không có thông	Không có thông	\$9,228	\$97,727
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông	Không có thông	-28.7	2.5
Tiểu bang	Không có thông	Không có thông	\$7,607	\$88,288
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông	Không có thông	4.7	14.6

Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

Học khu Rosemead nhận được tài trợ của tiểu bang và liên bang cho các chương trình phân loại, giáo dục đặc biệt và các chương trình hỗ trợ khác:

- Điều I
- Điều III
- Công thức tài trợ kiểm soát địa phương (LCFF)
- Giáo Dục Đặc Biệt
- Giáo dục phát triển năng khiếu và tài năng (GATE)
- Đưa đón học sinh (dành cho Giáo dục đặc biệt)
- Tài liệu hướng dẫn
- Trợ giảng hướng dẫn
- Chương trình tự học
- Học hè
- Chương trình bồi dưỡng
- Chương trình can thiệp và nhân sự
- Phần mềm giáo dục
- Công nghệ khác

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$52,305	\$54,046
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$89,853	\$84,515
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$115,009	\$110,867
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Tiểu Học)	\$140,549	\$136,841
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học Cơ Sò)	\$146,683	\$141,477
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học)	\$0	\$137,985
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$219,452	\$217,473
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	33.48%	32.43%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5.88%	5.62%

Phát triển Chuyên môn

Huyện:

Giáo viên, quản trị viên và các nhân viên khác ở Rosemead tham gia vào quá trình cải tiến liên tục thông qua nhiều hình thức phát triển chuyên môn. Sau khi xem xét dữ liệu tổng hợp và hình thức, bao gồm điểm kiểm tra, khảo sát học sinh, phụ huynh và nhân viên, các kết quả liên quan đến văn hóa học đường và học tập cảm xúc xã hội, lãnh đạo học khu và điểm trường cùng với các nhóm nội dung gồm giáo viên chính xác định các lĩnh vực trọng tâm trên toàn học khu cho giáo viên và phát triển chuyên môn quản trị viên. Năm nay, các lĩnh vực trọng tâm của PD toàn học khu bao gồm:

- Hệ thống Hỗ trợ Đa Tầng (MTSS)
- Xây dựng hướng dẫn tốt nhất cấp I đầu tiên
- Thu hút Học sinh Anh ngữ tại California thông qua Nghệ thuật (ECELA)
- Hỗ trợ và Can thiệp hành vi tích cực (PBIS)
- Lịch sử TCI còn sống! - Áp dụng Khoa học Xã hội 2023
- Khoa học Đọc - Đọc cơ bản

Địa điểm:

Học tập chuyên môn diễn ra trong nhiều hình thức khác nhau. Trong sáu ngày phát triển chuyên môn của chúng tôi, giáo viên tham dự các hội thảo để học các kỹ thuật giảng dạy, phân tích công việc của học sinh và cộng tác lên kế hoạch triển khai các kỹ thuật mới. Đôi khi, các giáo viên lãnh đạo được mời tham dự các buổi “đào tạo giảng viên”, sau đó họ trang bị kiến thức này cho các đồng nghiệp trong toàn học khu. Các giáo viên và quản trị viên thường tận dụng các hội thảo và đào tạo do Văn phòng giáo dục hạt Los Angeles, các trường đại học, nhà xuất bản chương trình giảng dạy và các tổ chức giáo dục tư nhân cung cấp. Hiệu trưởng điểm trường cung cấp huấn luyện cá nhân hóa và phản hồi về hoạt động giảng dạy trong lớp học. Các giáo viên mới đủ điều kiện của chúng tôi được khuyến khích tham gia chương trình Hỗ trợ và đánh giá giáo viên mới (BTSA)/Làm quen bước đầu, qua đó họ nhận được sự cố vấn từ các đồng nghiệp có kinh nghiệm. Mỗi tháng 8, các giáo viên mới đến học khu sẽ tham dự một buổi định hướng, giới thiệu cho họ về chương trình giảng dạy chính và sáng kiến trong học khu của chúng tôi. Cả các chuyên gia ELD/Can thiệp và giáo viên giáo dục đặc biệt đều có một buổi học tập chuyên môn mỗi tháng một lần để chia sẻ các phương pháp hay nhất, phân tích dữ liệu và điều chỉnh các quy trình và thủ tục liên quan đến các nhóm học sinh mà họ phụ trách. Các hiệu trưởng điểm trường gặp nhau hàng tuần để thảo luận về dữ liệu, nhóm sách chuyên môn và cộng tác, đồng thời cũng tiến hành các hoạt động học tập thường xuyên để đưa ra phản hồi về các công việc ưu tiên của điểm trường.

Phát triển Chuyên môn

Ngoài ra, nhà trường có 75 phút phát triển chuyên môn trong hai “điểm bắt đầu muộn” mỗi tháng và thời gian cộng tác ở cấp lớp hàng tuần. Mỗi cấp lớp cũng họp với hiệu trưởng nhà trường trong các cuộc họp của Cộng đồng học tập chuyên môn (PLC) hai lần một tháng. Năm nay, các lĩnh vực trọng tâm của điểm trường bao gồm

- Tận dụng công nghệ giáo dục để thu hút học sinh
- Ưu tiên các Tiêu chuẩn cốt lõi chung để nâng cao tốc học tập và giảm thiểu lỗi hổng kiến thức do trường học đóng cửa
- Các phương pháp hay nhất để hỗ trợ học sinh nói tiếng Anh với ELD tích hợp và cho những người có thành tích thấp trong môi trường nhóm nhỏ.

Trường Janson đã có thể tiếp tục phát triển chuyên môn trong lớp học của Google và các ứng dụng khác của Google, cũng như tham dự các hội nghị dành cho nhà giáo dục bằng Máy tính. Janson cũng tiếp tục tham gia chương trình The Leader in Me Coaching và ngày cộng đồng, huấn luyện i-Ready và tiếp tục sử dụng thời gian họp của nhân viên để cung cấp hỗ trợ trong các lĩnh vực như Google Apps, TLIM, i-Ready và chiến lược can thiệp.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	6	6	4